

Số: 22/2010/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 25 tháng 11 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Quy định chức danh, số lượng và mức phụ cấp hàng tháng
đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã,
phường, thị trấn; ở thôn, khu phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 Chính phủ về chức
danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị
trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Thông tư liên tịch số
03/2010/TTLT- BNV- BTC- BLĐTĐ&XH ngày 27/5/2010 của Bộ Nội vụ - Bộ Tài
chính- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số
92/2009/NĐ- CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số
chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người
hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị quyết số 144/2010/ NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2010 của
Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với
những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, khu phố theo Nghị định
số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 604/TTr-SNV ngày 10/11/2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp hàng tháng, mức phụ
cấp kiêm nhiệm đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn,
khu phố cụ thể như sau:

1- Chức danh, số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

- + Xã, phường, thị trấn loại 1: 21 người
- + Xã, phường, thị trấn loại 2: 20 người
- + Xã, phường, thị trấn loại 3: 19 người, cụ thể như sau:

TT	Chức danh	Số lượng người theo phân loại xã, phường, thị trấn		
		Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	2	3	4	5
1	Trưởng ban tổ chức Đảng, Chủ nhiệm UBKT do Phó bí thư hoặc Thường trực đảng uỷ kiêm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm
2	Trưởng khối Dân vận (do Bí thư Đảng uỷ kiêm)	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm
3	Phó chỉ huy trưởng quân sự xã do công chức Tư pháp- Hộ tịch kiêm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm
4	Trưởng ban Tuyên giáo kiêm thường trực khối Dân vận	1	1	1
5	Cán bộ Văn phòng Đảng uỷ	1	1	1
6	Chủ tịch Hội người cao tuổi	1	1	1
7	Chủ tịch Hội chữ thập đỏ	1	1	1
8	Phó chủ tịch Ủy ban MTTQ	1	1	1
9	Phó bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	1	1	1
10	Phó chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	1	1	1
11	Phó chủ tịch Hội Nông dân	1	1	1
12	Phó chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1	1	1
13	Cán bộ dân số, kế hoạch hoá Gia đình, trẻ em	1	1	1
14	Phó trưởng Công an (trừ các phường thuộc thành phố Hưng Yên)	2	1	1
15	Trưởng Đài Truyền thanh	1	1	1
16	Thủ quỹ, văn thư, lưu trữ	1	1	1
17	Cán bộ chăn nuôi thú y	1	1	1
18	Phó chủ nhiệm UBKT Đảng uỷ chuyên trách	1	1	1
19	Ủy viên UBKT Đảng uỷ	3	3	3
20	Phó Đài Truyền thanh	1	1	0
21	Nhân viên Đài Truyền thanh	1	1	1
	Cộng số người	21	20	19

2- Chức danh, số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố:

- Bí thư chi bộ thôn, khu phố: loại 1, loại 2, loại 3, bố trí theo chi bộ thực tế của từng thôn, khu phố.

- Trưởng thôn, khu phố: loại 1, loại 2, loại 3 mỗi thôn 01 người.
 - Phó thôn, khu phố: loại 1 có 02 phó thôn, khu phố; loại 2, loại 3 có 01 phó thôn, khu phố.

- Công an viên (trừ các phường thuộc thành phố Hưng Yên): thôn, khu phố loại 1 bố trí 02 Công an viên; thôn, khu phố loại 2 và loại 3 bố trí 01 Công an viên.
 - Bảo vệ dân phố thuộc các phường của thành phố Hưng Yên:
 Mỗi phường bố trí 01 Trưởng Ban bảo vệ dân phố, 01 Phó ban bảo vệ dân phố; mỗi khu phố bố trí 01 Tổ trưởng và 02 tổ viên Tổ Bảo vệ dân phố.

3- Về mức phụ cấp các chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, khu phố:

TT	Chức danh	Mức phụ cấp (quy về hệ số)
1	2	3
I	Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã	
1	Trưởng ban tổ chức Đảng, Chủ nhiệm UBKT do Phó bí thư hoặc Thường trực Đảng uỷ kiêm	0.2
2	Trưởng khối Dân vận (do Bí thư Đảng uỷ kiêm)	0.2
3	Phó chỉ huy quân sự xã do công chức Tư pháp- Hộ tịch kiêm (hưởng lương chức danh công chức)	
4	Trưởng ban Tuyên giáo kiêm thường trực khối Dân vận	1.0
5	Cán bộ Văn phòng Đảng uỷ	0.85
6	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	0.6
7	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	0.6
8	Phó chủ tịch Uỷ ban MTTQ; Phó Chủ tịch MTTQ nếu kiêm Trưởng ban thanh tra nhân dân được hưởng thêm 20% của mức trên	0.54
9	Phó bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Phó bí thư Đoàn nếu kiêm cán bộ nhà văn hoá được hưởng thêm 20% của mức phụ cấp trên	0.54
10	Phó chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	0.54
11	Phó chủ tịch Hội Nông dân	0.54
12	Phó chủ tịch Hội Cựu chiến binh	0.54
13	Cán bộ dân số, kế hoạch hoá Gia đình, trẻ em	0.72
14	Phó trưởng Công an	0.9
15	Trưởng Đài Truyền thanh	0.6
16	Thủ quỹ, văn thư, lưu trữ	0.6

17	Cán bộ chăn nuôi thú y	0.72
18	Phó chủ nhiệm UBKT Đảng uỷ chuyên trách	0.9
19	Ủy viên UBKT Đảng uỷ	0.3
20	Phó Đài Truyền thanh	0.42
21	Nhân viên Đài Truyền thanh	0.36
II	Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố	
1	Bí thư chi bộ thôn, khu phố: - Đối với thôn, khu phố loại 1: - Đối với thôn, khu phố loại 2: - Đối với thôn, khu phố loại 3: - Đối với thôn, khu phố có nhiều chi bộ:	1.0 0.9 0.85 0.8
2	Trưởng thôn, khu phố: - Đối với thôn, khu phố loại 1: - Đối với thôn, khu phố loại 2: - Đối với thôn, khu phố loại 3:	1.0 0.9 0.85
3	Phó thôn, khu phố: - Đối với thôn, khu phố loại 1: - Đối với thôn, khu phố loại 2: - Đối với thôn, khu phố loại 3:	0.8 0.8 0.7
4	Công an viên	0.6
III	Bảo vệ dân phố theo Nghị định số 38/2006/NĐ-CP	
1	Trưởng Ban Bảo vệ dân phố	0.54
2	Phó trưởng Ban Bảo vệ dân phố	0.48
3	Tổ trưởng Bảo vệ dân phố	0.42
4	Tổ viên Bảo vệ dân phố - Trường hợp Bảo vệ dân phố giữ nhiều chức danh khác nhau thì phụ cấp sẽ được hưởng theo chức danh cao nhất.	0.36

4- Phụ cấp kiêm nhiệm: Những người kiêm nhiệm chức danh không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu phố được hưởng 20% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh không chuyên trách khác thì được hưởng 01 mức phụ cấp kiêm nhiệm bằng 20% của mức phụ cấp chức danh kiêm nhiệm cao nhất. Đảng uỷ, UBND cấp xã bố trí cán bộ kiêm nhiệm.

Điều 2. Nguồn kinh phí và thời gian thực hiện

Mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và kinh phí hỗ trợ hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở thôn, khu phố được thực hiện từ ngày 01/9/2010; hàng năm được cân đối trong dự toán thu, chi ngân sách xã (đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố) và dự toán Chi cục Thú y tỉnh (đối với cán bộ chăn nuôi thú y).

Mức phụ cấp hàng tháng của những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, khu phố được thực hiện theo hệ số lương tối thiểu của nhà nước quy định, mức lương tối thiểu thay đổi thì mức phụ cấp được điều chỉnh theo thời gian tương ứng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 16/2009/QĐ-UBND ngày 12/8/2009 của UBND tỉnh về quy định số lượng, chức danh và điều chỉnh mức phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và cán bộ thôn, khu phố.

Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Nội vụ, Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP;
- Như Điều 3;
- CV: NC^H;
- Lưu :VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Nguyễn Văn Thông